TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS – ST
Ngày 25-7-2022
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Chí

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 01 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 452/2022/QĐST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST – DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Trần Quốc V, sinh năm 1990

Nơi cư trú: 152/3 ấp TH, xã MH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Trần Quốc V: Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1989 nơi cư trú số nhà 152/3 ấp TH, xã MH, huyện P, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền đề ngày 24/01/2022. Chị Nguyễn Thị Thu V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1969 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H(Thủy), sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 10/2 ấp Quí Thạnh, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1989 nơi cư trú: Số nhà 152/3 ấp TH, xã MH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên chị Nguyễn Thị Thu Vân quan có trình bày:*

Vào năm 2015 anh Trần Quốc V có hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói theo hình thức bên anh V là bên bán còn bên ông X, bà Hlà bên mua, hình thức bao vụ, tức là thu hoạch tôm xong dù lời hay lỗ gì cũng phải trả tiền mua bán thức ăn, thuốc thủy sản cho anh V nếu không trả đủ thì tiền nợ cộng dồn vào vụ sau sẽ trả tiếp. Tuy nhiên quá trình mua bán thì phía ông X, bà chị Hồng sau nhiều vụ nuôi tôm không thực hiện việc trả tiền như thỏa thuận. Đến ngày 28/12/2016 hai bên thống nhất chốt nợ ông X, bà Hcòn nợ anh V số tiền 65.890.000 đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng ông X, bà H vẫn không toán nợ. Nay anh V khởi kiện yêu cầu ông X, bà Hphải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh V số tiền là 65.890.000đồng trả một lần. Anh V tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông X, bà Hphải trả phần lãi suất là 32.858.000 đồng.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn X có trình bày:*

Ông thừa nhận vào năm 2015 đến ngày 28/12/2016 ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị H có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản với anh Trần Quốc V với hình thức ghi sổ, sau nhiều lần có mua tính đến ngày 28/12/2016 vợ chồng ông còn nợ số tiền 65.890.000 đồng. Do vợ chồng ông nuôi trồng thủy sản bị thua lỗ nên chưa trả được cho anh Trần Quốc V.

Nay anh Trần Quốc V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 65.890.000 đồng trả một lần thì vợ chồng ông không có khả năng trả. Ông đề nghị được trả mỗi năm 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H(Thủy) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Trần Quốc V vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp Thạnh Quí, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H(Thủy) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu V có đơn đền nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xử xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H (T) và chị Nguyễn Thị Thu V là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2015 đến ngày 28/12/2016 chị anh Trần Quốc V có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H nhưng không có lập thành văn bản, khi giao thức ăn hai bên có ghi sổ và thỏa thuận cuối vụ nuôi tôm bên mua phải thanh toán tiền thức ăn. Xét việc thỏa thuận này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn X thừa nhận khi chốt nợ còn thiếu anh Trần Quốc V số tiền 65.890.000 đồng nên nguyên đơn không phải chứng minh số tiền bị đơn còn nợ được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hquá trình tố tụng vắng mặt không có bản khai, ý kiến trình bày với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và bị đơn ông Nguyễn Văn X thừa nhận để giải quyết vụ án. Do ông ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên anh Trần Quốc Vinh khởi kiện yêu cầu ông X, bà Hphải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của ông Nguyễn Văn X đồng ý trả cho anh Trần Quốc V số tiền số tiền 65.890.000 đồng nhưng đề nghị được trả mỗi năm 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn X không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh đang khó khăn về kinh tế và yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý, nên không được chấp nhận.

[4] Xét việc mua thức ăn để nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H là nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Quốc V số tiền 65.890.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Ghi nhận anh Trần Quốc V không yêu cầu tính lãi.

[5] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về phần tiền lãi tính từ ngày 28/12/2016 đến ngày 28/12/2021 với số tiền là 32.858.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc V được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.294.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 217, 218, 219, 227, 228 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V.

Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Quốc V số tiền 65.890.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi 32.858.000 đồng (Ba mươi hai triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu 3.294.500 đồng (Ba triệu, hai trăm chím mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 2.470.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) cho anh Trần Quốc V (do Nguyễn Thị Thu V nộp thay) theo biên lai thu số 0004375 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương